

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2025/KDTM-PT

Ngày 17-01-2025

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hoá

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thắm.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tài;

Ông Phan Trí Dũng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Hoàng Khang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:***
Bà Phạm Thị Ngọc Giàu – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 và 17 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 51/2024/TLPT-KDTM ngày 29 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 17/2024/KDTM-ST ngày 13/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2024/QĐXXPT-KDTM ngày 28 tháng 11 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 33/2024/QĐ-PT ngày 17 tháng 12 năm 2024; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2025/QĐ-PT ngày 07 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Một thành viên C.

Địa chỉ: Đường T L, khu phố F, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1999; hộ khẩu thường trú: Khu phố B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: Khu phố B, phường M, Thành phố B, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 02/4/2024), có mặt.

Bị đơn: Công ty TNHH V1.

Địa chỉ: T đất số 690, tờ bản đồ số 40, khu phố P, phường H, thành phố B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Dương Thành V – Chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Lê Thị Mỹ H – Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Võ Tấn Đ, chi nhánh thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Hoàng Hải S, sinh năm 1990,

Hộ khẩu thường trú: số B A, phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tạm trú: Đường D, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Bà Dương Thị Tuyết H1, sinh năm 1981.

Hộ khẩu thường trú: Khu phố P, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

Người làm chứng:

1. Ông Tăng Lĩnh N, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Khu phố E, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Ông Dương Thành L, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Khu phố P, phường H, thành phố B, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Công ty TNHH V1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 23/8/2023, lời khai của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc T trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:

Qua mối quan hệ quen biết, Công ty TNHH Một thành viên C (gọi tắt là Công ty C) và Công ty TNHH V1 (gọi tắt là Công ty V1) có giao kết hợp đồng bằng lời nói về việc mua bán dầu D0 từ khoảng năm 2021 đến đầu tháng 8/2023. Theo đó, tài xế của Công ty V1 đến trạm xăng dầu của Công ty C để đổ dầu vào xe, nhân viên của Công ty C sẽ ghi vào sổ tiền, ngày, biển số xe đổ dầu và tài xế của Công ty V1 sẽ ký tên vào sổ. Sau khi đổ dầu xong, nhân viên Công ty C đưa cho tài xế Công ty V1 hóa đơn bán lẻ, trong đó thể hiện biển số xe, tiền, ngày đổ dầu và nhân viên Công ty C ký tên vào. Hai bên thỏa thuận, vào ngày 26 dương lịch hàng tháng, Công ty C sẽ gửi bảng kê tiền dầu cho Công ty V1 để kiểm tra tiền, ngày đổ dầu. Công ty C sẽ cho thời gian bốn đến năm ngày để Công ty V1 kiểm tra, đối chiếu bảng kê. Sau khi kiểm tra, đối chiếu xong, Công ty V1 sẽ nhắn

tin qua Zalo cho Công ty C để thông báo việc họ đã kiểm tra xong. Sau đó, Công ty C sẽ xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty V1. Sau khi nhận hóa đơn, Công ty V1 thanh toán tiền dầu cho Công ty C. Vì Công ty C cho Công ty V1 thời gian để đối chiếu tiền dầu và thanh toán tiền nên việc Công ty V1 cung cấp các hình ảnh định vị GPS của các xe ô tô là hoàn toàn không đúng sự thật. Đồng thời, một số tài xế Công ty V1 đến trạm xăng dầu của Công ty C có khi vừa đổ dầu vào xe của họ, vừa mua thêm dầu để riêng bên ngoài. Việc này, Công ty C có thông báo cho ông Dương Thành L – Nhân viên Công ty V1 được biết.

Khoảng cuối tháng 7/2023, Công ty V1 phát hiện tài xế của mình kê khống các số tiền, ngày đổ dầu trong sổ dầu. Vì thế, Công ty C đã báo Công an phường Đ để giải quyết nhưng Công an chỉ giải quyết bằng lời nói với Công ty C. Các bên còn lại, Công an có làm việc bằng biên bản hay không thì Công ty C không rõ. Sau đó, Công ty C có nghe thông tin Công an phường Đ có làm việc với tài xế Công ty V1 (không rõ thông tin) thì tài xế có thừa nhận hành vi kê khai khống số tiền mua dầu và khai ra thông tin mỗi lần kê khai thì có cho nhân viên tên P của Công ty C (không rõ thông tin vì khi Công ty C thuê không bằng hợp đồng và nhân viên này cũng đã nghỉ việc từ tháng 7/2023 cho đến nay) khoảng 50.000 đồng đến 100.000 đồng. Tài xế Công ty V1 cũng hứa tại Công an là sẽ trả lại số tiền đã chiếm đoạt cho Công ty V1. Vì vậy, Công an không tiến hành điều tra gì thêm. Vì sự việc này mà Công ty V1 cho rằng đã chuyển trả thừa số tiền dầu của các tháng 3,4,5,6/2023 với tổng cộng số tiền là 206.280.000 đồng. Công ty C không đồng ý với ý kiến này của Công ty V1.

Đối với sổ dầu của các tháng 3,4,5,6/2023 theo yêu cầu phản tố của Công ty V1, Công ty C đã đưa sổ dầu của các tháng này cho Công ty V1 kiểm tra và tiền dầu cũng đã được thanh toán xong nên Công ty C không còn lưu giữ thông tin hay bản chính sổ dầu của các tháng này.

Công ty V1 đã nợ tiền dầu từ ngày 26/6/2023 đến ngày 28/7/2023 với tổng số tiền là 430.287.000 đồng. Ngày 27/7/2023, Công ty V1 đã thanh toán số tiền là 200.000.000 đồng. Còn lại số tiền là 230.287.000 đồng Công ty V1 chưa thanh toán. Ngày 04/4/2024, Công ty C rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Công ty V1 thanh toán số tiền dầu còn nợ là 18.300.000 đồng. Còn lại số tiền dầu là 211.987.000 đồng, Công ty C yêu cầu Công ty V1 phải trả. Do Công ty V1 chậm thanh toán tiền dầu theo thỏa thuận giữa hai bên trước đó nên Công ty C yêu cầu Công ty V1 phải trả số tiền lãi chậm thanh toán theo quy định pháp luật tính từ ngày 28/7/2023 đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Dương Thành V trình bày:

Về vấn đề xác lập hợp đồng mua bán dầu và thời gian mua bán dầu giữa hai bên, ông V thống nhất như Công ty C trình bày. Theo đó, tài xế của Công ty V1 đến trạm xăng dầu của Công ty C để đổ dầu, nhân viên của Công ty C sẽ ghi sổ dầu do Công ty C giữ thể hiện nội dung ngày, số tiền, biển số xe đổ dầu và đưa cho tài xế của Công ty V1 ký tên vào. Đồng thời, nhân viên Công ty C cũng đưa

cho Công ty V1 hóa đơn bán lẻ trong đó thể hiện ngày, tiền, biển số xe đổ dầu và nhân viên ký tên vào.

Khoảng ngày 25 dương lịch hàng tháng, Công ty C sẽ xuất hóa đơn giá trị gia tăng và gửi bảng kê tiền dầu còn nợ trong tháng cho Công ty V1. Hai bên thỏa thuận bằng lời nói là Công ty V1 sẽ thanh toán tiền dầu theo bảng kê và hóa đơn giá trị gia tăng rồi mới kiểm tra, đối chiếu bảng kê tiền dầu với hóa đơn bán lẻ sau.

Từ tháng 4/2023, Công ty V1 phát hiện bảng kê tiền dầu và hóa đơn bán lẻ không khớp nhau nhưng do tin tưởng và Công ty V1 muốn có thời gian tìm thêm chứng cứ (các hóa đơn bán lẻ từ tài xế) nên chưa rõ sự việc đúng sai thế nào. Vì vậy, các tháng 4,5,6,7/2023, Công ty V1 vẫn tiếp tục đổ dầu từ Công ty C và thanh toán tiền dầu của các tháng 4,5,6/2023 cho Công ty C.

Khoảng tháng 7/2023, Công ty V1 kiểm tra lại bảng kê tiền dầu của các tháng 3,4,5,6/2023 thì vẫn không tìm được các hóa đơn bán lẻ. Lúc đó, Công ty V1 đề nghị Công ty C chụp sổ dầu của các tháng này thì Công ty C có chụp gửi qua Zalo cho Công ty V1 nhưng không đầy đủ. Trong các lần đổ dầu thể hiện trong hình ảnh sổ dầu do Công ty C chụp gửi qua thì có lần đúng là do tài xế Công ty V1 ký tên vào, có lần không phải tài xế Công ty V1 ký tên vào, là ai ký tên vào thì Công ty V1 không rõ. Vì vậy, Công ty V1 mới biết được Công ty V1 đã chuyển trả thừa số tiền dầu trong các tháng 3,4,5,6/2023 với tổng số tiền là 206.280.000 đồng.

Sau đó, Công ty V1 đã báo sự việc này cho Công ty C biết. Công ty C đã yêu cầu Công an phường Đ sự việc này. Sau khi làm việc xong, Công an thông báo cho Công ty V1 biết việc nhân viên tên P (không rõ thông tin) của Công ty C cùng tài xế Nguyễn Hoàng Hải S của Công ty V1 kê không tiền dầu để chia tiền, tức ngày đổ dầu và số tiền đổ dầu không tồn tại trên thực tế nhưng vẫn có trong bảng kê tiền dầu. Công an phường Đ sau đó đã chuyển vụ việc đến Công an thành phố T. Tuy nhiên, Công ty V1 không có quyền tố cáo, còn Công ty C không tố cáo nên sự việc không được giải quyết tại Công an thành phố T. Vì xảy ra sự việc như vậy nên số tiền dầu tháng 6,7/2023, Công ty V1 chỉ mới trả cho Công ty C số tiền là 200.000.000 đồng.

Trong bảng kê tháng 6,7/2023 (tính từ ngày 26/6/2023 - 28/7/2023) thì số tiền dầu tổng cộng là 18.300.000 đồng, Công ty V1 không có đổ dầu, còn lại số tiền là 211.987.000 đồng thì Công ty V1 thực tế có đổ dầu nhưng Công ty C chưa giải quyết vấn đề chuyển khoản tiền dầu thừa cho Công ty V1 nên Công ty V1 không đồng ý trả số tiền này cùng tiền lãi phát sinh.

Công ty V1 yêu cầu Công ty C phải trả số tiền dầu chuyển trả thừa vào các tháng 3,4,5,6/2023 cho Công ty V1 với tổng số tiền là 206.280.000 đồng và số tiền này sẽ được khấu trừ vào số tiền 211.987.000 đồng mà Công ty V1 có đổ dầu. Để chứng minh cho yêu cầu phản tố, Công ty V1 cung cấp các hình ảnh định vị GPS của các xe có biển số dựa theo bảng kê xe không đổ dầu vào các tháng 3,4,5,6/2023 do Công ty V1 lập. Đồng thời, Công ty V1 đề nghị Tòa án yêu cầu Công ty C cung cấp sổ dầu của các tháng 3,4,5,6/2023 để đối chiếu chữ ký của tài

xế, thông tin số tiền, số lít dầu vì thực tế thể tích bình dầu của xe không đúng như số tiền dầu trong bảng kê tiền dầu của Công ty C.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng Hải S trình bày:

Ông S là tài xế của Công ty V1 từ năm 2019 đến tháng 7/2023. Trong thời gian làm việc cho Công ty V1, khi xe hết dầu thì ông S thường ghé vào Công ty C để đổ dầu. Sau khi đổ dầu xong, nhân viên của Công ty C đưa cho ông S hóa đơn bán lẻ trong đó thể hiện số lượng, tiền dầu. Đồng thời, ông S cũng ký tên vào sổ dầu do Công ty C giữ. Việc hai bên đối chiếu sổ dầu với hóa đơn bán lẻ để trả tiền dầu như thế nào thì ông S không rõ vì ông S không trực tiếp trả tiền dầu.

Tháng 7/2023, Công ty V1 cho rằng ông S đã cấu kết với nhân viên tên P (không rõ thông tin) của Công ty C kê khống tiền dầu để chiếm đoạt tiền của Công ty V1 là không đúng. Ông S không biết lý do tại sao Công ty V1 lại cho rằng ông S làm việc như vậy, riêng nhân viên tên P có thực hiện hành vi đó không thì ông S không rõ. Công ty V1 sau đó đã báo Công an phường Đ để giải quyết vấn đề này. Tại Công an phường Đ, Công ty V1 gây áp lực, bắt ông S phải thừa nhận hành vi kê khống tiền dầu. Ông S vì áp lực tinh thần nên có thừa nhận trong biên bản lấy lời khai tại Công an. Trước khi ký biên bản, ông S không đọc hoặc nghe đọc nội dung biên bản. Hiện cơ quan, cá nhân, tổ chức nào đang giữ biên bản này thì ông S không rõ. Khoảng 04 tháng sau, Công an thành phố T có mời ông S đến để lấy lời khai. Tại đây, ông S đã khai lại cho đúng sự thật là ông S không có hành vi chiếm đoạt tiền của Công ty V1.

Ông S thực tế không có hành vi như Công ty V1 tố cáo. Số tiền dầu mà Công ty V1 trả có bị thừa hay không thì ông S không rõ việc này.

Nay, đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty C, yêu cầu phản tố của Công ty V1, ông S không có ý kiến gì vì không liên quan đến ông S. Ngoài ra, ông S không có ý kiến, yêu cầu gì đối với các đương sự trong vụ án và vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị Tuyết H1 trình bày:

Bà H1 là kế toán và là cổ đông của Công ty V1. Bà H1 là người trực tiếp kiểm tra sổ sách, giấy tờ liên quan đến hoạt động vận tải của Công ty V1. Bà H1 cũng là người phát hiện ra vấn đề kê khống phiếu dầu của nhân viên Công ty C với tài xế Công ty V1. Bà H1 thống nhất với toàn bộ ý kiến và yêu cầu phản tố của Công ty V1.

Quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng ông Tăng Linh N trình bày:

Ông N là nhân viên kế toán của Công ty C. Ông N làm việc cho Công ty C từ năm 2011 cho đến nay.

Về quy trình đối chiếu công nợ và thanh toán tiền dầu hàng tháng như sau: Phía Công ty C có một quyển sổ ghi tiền, ngày đổ, biển số xe đổ dầu. Sau khi đổ xong, nhân viên Công ty C sẽ cho tài xế Công ty V1 ký tên vào sổ dầu. Đồng thời, Công ty C cũng giao hóa đơn bán lẻ cho tài xế của Công ty V1, trong đó ghi nội

dung biển số xe, tiền đồ và ngày đồ dầu. Hai bên thỏa thuận, ngày 26 dương lịch hàng tháng, Công ty C gửi bảng kê tiền dầu cho Công ty V1 để kiểm tra tiền, ngày đồ dầu, đối chiếu với hóa đơn bán lẻ trong thời gian vài ngày. Sau khi kiểm tra, đối chiếu xong, Công ty V1 sẽ nhắn tin Zalo cho bên Công ty C để thông báo việc họ đã kiểm tra xong. Theo đó, Công ty C sẽ xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty V1. Sau khi nhận hóa đơn, Công ty V1 thanh toán tiền dầu cho Công ty C.

Ngoài ra, một số tài xế đến Công ty C có khi vừa đồ dầu, vừa mua thêm dầu để riêng bên ngoài hoặc họ không đồ dầu nhưng tự mua dầu riêng. Việc này, Công ty C có báo cho ông L – Nhân viên quản lý xe của Công ty V1.

Về trách nhiệm, công việc của ông N thì ông N chỉ biết như vậy. Còn các vấn đề tranh chấp khác giữa hai Công ty trong vụ án này thì ông N không rõ.

Quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng ông Dương Thành L trình bày:

Ông L là nhân viên của Công ty V1 từ năm 2018 cho đến nay. Công việc của ông L là sắp xếp lịch cho xe đi theo yêu cầu của khách hàng.

Về quy trình gửi bảng kê và thanh toán tiền dầu giữa Công ty C và Công ty V1 như sau: Từ ngày 25 đến ngày 28 dương lịch hàng tháng, Công ty C sẽ gửi bảng kê tiền dầu và hóa đơn giá trị gia tăng qua Zalo cho ông L, Công ty V1 sẽ chuyển khoản trước tiền dầu tháng đó qua cho Công ty C vì trước đó hai bên đã thỏa thuận bằng lời nói là chuyển tiền dầu trước và kiểm tra, đối chiếu bảng kê sau. Sau đó, ông L sẽ gửi lại bảng kê tiền dầu và hóa đơn giá trị gia tăng cho bà H1 kiểm tra, đối chiếu. Từ tháng 3/2023, bà H1 đã phát hiện ra bảng kê tiền dầu và hóa đơn bán lẻ giữa hai bên không khớp nhau nhưng do tin tưởng và Công ty V1 muốn có thời gian tìm thêm chứng cứ (các hóa đơn bán lẻ từ tài xế) nên không rõ sự việc đúng sai như thế nào. Vì vậy, các tháng 4,5,6,7/2024, Công ty V1 vẫn tiếp tục đồ dầu từ Công ty C và thanh toán tiền dầu của các tháng 4,5,6/2024 cho Công ty C. Hiện tại, các bảng kê tiền dầu và hóa đơn giá trị gia tăng của các tháng 3,4,5,6/2023, ông L vẫn còn lưu giữ một số trên Zalo của ông nhưng không biết có đầy đủ hay không. Tuy nhiên, trước đó, ông L đã gửi toàn bộ, đầy đủ cho bà H1 và Công ty V1 cũng đã giao nộp các bảng kê và hóa đơn này cho Tòa án.

Về trách nhiệm, công việc của ông L thì ông L chỉ biết vậy thôi. Còn các vấn đề tranh chấp khác giữa hai Công ty trong vụ án này thì ông L không rõ.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 17/2024/KDTM-ST ngày 13/8/2024, Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Một thành viên C đối với bị đơn Công ty TNHH V1 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Buộc bị đơn Công ty TNHH V1 phải thanh toán cho nguyên đơn Công ty TNHH Một thành viên C số tiền mua dầu còn nợ là 211.987.000 đồng (hai trăm mười một triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn đồng) cùng tiền lãi phát sinh là 25.439.000 đồng (hai mươi lăm triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn đồng). Tổng

cộng: 237.426.000 đồng (hai trăm ba mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty TNHH Một thành viên C cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH V1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Một thành viên C về việc yêu cầu Công ty TNHH V1 trả số tiền đầu còn nợ là 18.300.000 đồng (mười tám triệu ba trăm nghìn đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty TNHH V1 về việc buộc Công ty TNHH Một thành viên C phải trả số tiền đầu thanh toán thừa của các tháng 3,4,5,6/2023 là 206.280.000 đồng (hai trăm lẻ sáu triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26/8/2024, bị đơn Công ty TNHH V1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị sửa bản án theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn thay đổi yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền khởi tố vụ án; trường hợp không có căn cứ huỷ bản án thì đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày quan điểm:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự, yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo và thay đổi yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty V1 vì các lý do:

Thứ nhất, căn cứ theo lời trình bày của đại diện nguyên đơn, đại diện bị đơn và người liên quan ông Nguyễn Hoàng Hải S có cơ sở xác định việc ghi khống chứng từ nhằm chiếm đoạt tài sản của Công ty V1 do tài xế tên S và nhân viên của công ty C tên P là có thật. Trong trường hợp này Tòa án sơ thẩm phải có trách nhiệm làm văn bản kiến nghị khởi tố vụ án hình sự và gửi văn bản kiến nghị đến cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố T để cơ quan này tiến hành một số hoạt động điều tra, kiểm tra, xác minh và ra một trong các quyết định như: khởi tố vụ án hình sự; không khởi tố vụ án hình sự hay tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố ... và trong thời gian chờ kết quả giải quyết kiến nghị khởi tố vụ án của cơ quan cảnh sát điều tra thì Tòa án sơ thẩm phải căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 214 Bộ luật Dân sự để tạm đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm không thực hiện việc kiến nghị khởi tố, không chờ kết quả thụ lý tin báo của cơ quan điều tra có thẩm quyền mà thụ lý

vụ án giải quyết xét xử theo hướng không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là ảnh hưởng nghiêm trọng quyền lợi của bị đơn.

Thứ hai, quá trình xét xử sơ thẩm nguyên đơn đã rút yêu cầu đối với số tiền 18.300.000 đồng vì thực tế trong khoảng thời gian từ ngày 26/6/2023 đến 30/6/2023 thì 02 tài xế là ông Cao Thế A và ông Bùi Thế A1 xác nhận không ghé đổ dầu nhưng nguyên đơn vẫn lập hóa đơn yêu cầu thanh toán. Như vậy, bị đơn hoàn toàn có căn cứ xác định số tiền dầu đã bị nguyên đơn kê không và yêu cầu phản tố để trừ lại số tiền trả dư.

Thứ ba, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định cho rằng các Hóa đơn bán lẻ do Công ty V1 cung cấp chỉ thể hiện số tiền, biển số xe và mỗi chữ ký của nhân viên đổ dầu nhưng không ghi rõ họ tên. Đồng thời cho rằng Công ty V1 cung cấp các hóa đơn bán lẻ nhưng không chứng minh được các tài xế đã giao đủ và đúng các hóa đơn bán lẻ cho Công ty V1. Lẽ ra trong trường hợp này Tòa án phải buộc Công ty C cung cấp chứng cứ để chứng minh nhưng Tòa án sơ thẩm lại nhận định trách nhiệm cung cấp chứng cứ phải thuộc về Công ty V1 là không đúng. Thực tế Công ty V1 đã chứng minh cho yêu cầu phản tố của mình là có căn cứ và hợp pháp bằng việc đã cung cấp cho Tòa án Hóa đơn bán lẻ của các tháng 3,4,5,6/2023 của các xe ô tô biển số 610- 401.14, 61C-344.69, 61C-394.21, 61H-01868, 61H-08730; Bảng kê số tiền xe không đổ dầu, Hóa đơn giá trị gia tăng, Bảng kê tiền dầu của các tháng 3,4,5,6/2023; Hình ảnh định vị GPS của các xe ô tô, có Công ty Cổ phần Đ1 xác nhận vào ngày 22/4/2024 cùng thông tin tên đăng nhập, mật khẩu từ trang web dinhvi.adsun.vn nhưng Tòa án sơ thẩm không chấp nhận các chứng cứ này vì cho rằng Công ty C không thừa nhận.

Thứ tư, Tòa án sơ thẩm cho rằng Công ty V1 đã phát hiện ra sai phạm về kê không lượng dầu đã đổ nhưng vẫn tiếp tục đổ dầu và thanh toán tiền dầu của các tháng 4,5,6/2023 nên mặc nhiên số liệu do nguyên đơn cung cấp là chính xác là không đúng với các tình tiết trong hồ sơ vụ án. Vì thực tế hai bên có thỏa thuận công ty V1 thanh toán theo hoá đơn do Công ty C cung cấp, nếu phát hiện có sai sót sẽ khấu trừ vào những tháng tiếp theo.

Do cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 308 và 310 Bộ luật tố tụng Dân sự Hủy án sơ thẩm số 17/2024/KDTM-ST ngày 13/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố B giao hồ sơ về Tòa án nhân dân thành phố B để giải quyết lại theo quy định của pháp luật để quyền lợi của bị đơn được đảm bảo.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký tại phiên tòa: Đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử phúc thẩm vụ án.

- Về nội dung:

Theo Đơn khởi kiện ngày 23/8/2023 của Công ty C khởi kiện yêu cầu Công ty V1 trả số tiền dầu còn nợ lại là 230.287.000 đồng. Ngày 04/4/2024, Công ty C rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Công ty V1 thanh toán số tiền

là 18.300.000 đồng, chỉ yêu cầu Công ty V1 trả số tiền mua dầu còn nợ trong tháng 6,7/2023 là 211.987.000 đồng và tiền lãi chậm trả phát sinh theo quy định của pháp luật. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 11/4/2024, Công ty V1 thừa nhận có đồ dầu với số tiền là 211.987.000 đồng và chưa trả số tiền này cho Công ty C nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

Về thời hạn yêu cầu tính lãi chậm thanh toán: Theo khoản 1 Điều 55 Luật thương mại “*Bên mua phải thanh toán cho bên bán vào thời điểm bên bán giao hàng hoặc giao chứng từ liên quan đến hàng hoá*” nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi là phù hợp. Căn cứ Hóa đơn giá trị gia tăng số 2904 ngày 25/7/2023, Hóa đơn giá trị gia tăng số 3161 ngày 07/8/2023 và Sổ phụ TK tiền gửi không kỳ hạn ngày 18/10/2023 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1, thể hiện ngày 27/7/2023 Công ty V1 đã chuyển khoản trả tiền dầu cho Công ty C với số tiền là 200.000.000 đồng, như vậy có căn cứ xác định công ty C xuất hoá đơn trước thì công ty V1 mới thanh toán tiền. Đối với Hóa đơn giá trị gia tăng số 2904 ngày 25/7/2023 với số tiền 396.337.116 đồng, công ty V1 đã trả 200.000.000 đồng, còn 196.337.116 đồng chưa thanh toán, do đó thời hạn tính lãi chậm thanh toán đối với hoá đơn này là từ ngày 26/7/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm. Đối với Hóa đơn giá trị gia tăng số 3161 ngày 07/8/2023 với số tiền 33.950.029 đồng, công ty V1 chưa thanh toán nên thời hạn tính lãi chậm trả bắt đầu từ ngày 08/8/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm. Công ty C yêu cầu tính lãi trên tổng số tiền công ty V1 còn nợ 211.987.000 đồng từ ngày 28/7/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là có lợi cho bị đơn.

Về lãi suất nguyên đơn yêu cầu giải quyết theo quy định: Do các bên không thỏa thuận mức lãi suất chậm trả nên căn cứ Điều 306 Luật Thương mại 2005 Điều 11 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 ngân hàng để xác định mức lãi suất chậm trả cho nguyên đơn. Theo kết Công văn số 121/CV-BIDV.MP ngày 27/3/2023 của Ngân hàng Đ2 B thì mức lãi suất cho vay bình quân trong hạn đang áp dụng đối với khoản vay ngắn hạn (tối đa 01 năm) là 7,7%/năm, lãi suất quá hạn không vượt quá 150%; Công văn số 26/2023/CV-CNBC ngày 27/3/2023 của Ngân hàng TMCP S1 – chi nhánh B1 thì lãi suất quá hạn từ 12,75% đến 15,3%; Công văn số 75/BBD-KT.CCTT ngày 26/3/2023 của Ngân hàng TMCP N1 – chi nhánh B2 thì lãi suất cho vay trong hạn áp dụng cho khách hàng doanh nghiệp thời hạn cho vay 12 tháng là 6,7%/năm, lãi suất quá hạn không vượt quá 150%. Như vậy lãi suất trung bình của ba ngân hàng là: $\{7,7\% \times 150\% = 11,55\% + (12,75\% + 15,3\%): 2 = 14,025\% + 6,7\% \times 150\% = 10,05\%\} / 3 / 12 \text{ tháng} = 0,99\% / \text{tháng}$. Cấp sơ thẩm áp dụng mức lãi suất 0,96%/tháng là bất lợi cho nguyên đơn, tuy nhiên nguyên đơn không kháng cáo nên không xem xét.

Về yêu cầu phản tố của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn thừa nhận theo thỏa thuận, mỗi tháng Công ty C sẽ gửi các bảng kê và hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty V1 kiểm tra trước khi thanh toán. Công ty V1 cho rằng đã phát hiện có sự sai lệch về số lượng dầu giữa bảng kê tiền dầu và hóa đơn bán lẻ nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh việc Công ty V1 không đồng ý hay phản hồi với Công ty C về vấn đề này mà vẫn tiếp tục mua dầu và thanh toán tiền của

những tháng tiếp theo. Như vậy, Công ty V1 đã đồng ý với số tiền dầu của các tháng 3,4,5,6/2023 của Công ty C.

Công ty C cũng không thừa nhận các hình ảnh theo định vị GPS là đúng theo sự thật vì cho rằng ngoài đổ dầu vào xe thì tài xế còn mua dầu riêng bên ngoài. Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện bị đơn thừa nhận thỉnh thoảng có xe đổ dầu bằng can nhưng không đáng kể. Do đó, việc Công ty V1 cung cấp các hình ảnh định vị GPS để chứng minh cho yêu cầu phản tố của Công ty V1 là không có căn cứ.

Từ cơ sở phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Về kiến nghị, khắc phục thiếu sót: Không.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, Luật sư ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 13/8/2024, TAND thành phố B xét xử sơ thẩm vụ án. Ngày 26/8/2024, bị đơn Công ty TNHH V1 kháng cáo là trong hạn luật định, đơn kháng cáo có nội dung hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên đủ điều kiện đề thụ lý và xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của Công ty C và Công ty V1 đều thống nhất khai nhận hai bên có giao kết mua bán dầu DO với nhau từ năm 2021. Theo thỏa thuận, Công ty V1 sẽ thanh toán tiền dầu từng tháng sau khi nhận được hoá đơn GTGT từ Công ty C. Công ty V1 đã thanh toán đầy đủ tiền dầu đến hết tháng 6/2023. Đối với tiền dầu của tháng 7,8/2023 thì Công ty C đã phát hành Hoá đơn GTGT số 2904 ngày 25/7/2023 với số tiền 396.337.116 đồng; Hoá đơn GTGT số 3161 ngày 07/8/2023 với số tiền 33.950.029 đồng, tổng cộng 430.287.000 đồng. Ngày 27/7/2023, Công ty V1 đã thanh toán số tiền là 200.000.000 đồng, 230.287.000 đồng chưa thanh toán, đây là chứng cứ không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2.2] Ngày 04/4/2024, Công ty TNHH MTV C rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền là 18.300.000 đồng nên cấp sơ thẩm đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Xét kháng cáo của Công ty TNHH V1 nhận thấy:

Công ty TNHH V1 căn cứ vào Hóa đơn bán lẻ của các tháng 3,4,5,6/2023 của các xe ô tô biển số 610. 401.14, 61C-344.69, 61C-394.21, 61H-01868, 61H-08730; Bảng kê tiền số tiền xe không đổ dầu (do Công ty V1 lập), Hóa đơn giá trị gia tăng, Bảng kê tiền dầu của các tháng 3,4,5,6/2023, Hình ảnh định vị GPS của các xe ô tô, được Cổ phần Đầu tư Vận tải Ánh Dương xác nhận vào ngày 22/4/2024 cùng thông tin tên đăng nhập, mật khẩu từ trang wed.dinhvi.adsun.vn để cho rằng đã trả dư số tiền 206.280.000 đồng nên phản tố yêu cầu Công ty

TNHH MTV C khấu trừ vào số tiền còn nợ là 211.987.000 đồng. Công ty TNHH MTV C không đồng ý.

Xét, các Hóa đơn bán lẻ do Công ty TNHH V1 cung cấp chỉ thể hiện số tiền, biển số xe và mỗi chữ ký của nhân viên đổ dầu, chứng cứ này không đủ căn cứ chứng minh việc Công ty TNHH V1 cho rằng trong bảng kê tiền dầu của Công ty TNHH MTV C thể hiện hai số tiền trong một ngày đối với một xe ô tô. Bên cạnh đó, các Bảng kê tiền dầu, Hóa đơn giá trị gia tăng của các tháng 3,4,5,6/2023 là do Công ty TNHH V1 cung cấp không có chữ ký xác nhận của Công ty TNHH MTV C bên dưới, đồng thời, Công ty V1 không cung cấp chứng cứ chứng minh Công ty TNHH MTV C có giao các hóa đơn giá trị gia tăng và bảng kê cho Công ty TNHH V1. Quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, người đại diện theo pháp luật của bị đơn xác định đã phát hiện Bảng kê tiền dầu và Hóa đơn bán lẻ của Công ty TNHH MTV C không khớp nhau từ tháng 3/2023. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 318 Luật Thương mại thì “...*Trừ trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 237 của Luật này, thời hạn khiếu nại do các bên thỏa thuận, nếu các bên không có thỏa thuận thì thời hạn khiếu nại được quy định như sau: 1. Ba tháng, kể từ ngày giao hàng đối với khiếu nại về số lượng hàng hóa...*”. Tuy nhiên, bị đơn xác định khi phát hiện sai sót về khối lượng dầu nhưng lại không có bất kỳ phản hồi nào cho nguyên đơn, vẫn tiếp tục đổ dầu và thanh toán tiền dầu của các tháng 3,4,5,6/2023.

Công ty V1 còn căn cứ vào một số hình ảnh định vị GPS để chứng minh việc trong cùng một ngày, một số xe ô tô của Công ty V1 đến trạm xăng dầu của Công ty C một lần nhưng bảng kê tiền dầu của Công ty C vào ngày hôm đó lại thể hiện hai số tiền mua bán dầu. Công ty C không thừa nhận các hình ảnh theo định vị GPS vì cho rằng ngoài đổ dầu vào xe thì tài xế của Công ty V1 còn mua dầu riêng bên ngoài. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Dương Thị Tuyết H1 là kế toán của Công ty V1 cũng thừa nhận hiện không cung cấp được từ tháng 3/2023 đến tháng 6/2023 có bao nhiêu xe của Công ty đến đổ dầu tại cây xăng C1 và không chứng minh được các tài xế đã giao đủ và đúng các hóa đơn đổ dầu về cho Công ty. Lời trình bày của bà H1 cho thấy bị đơn không quản lý được số lượng xe đến đổ dầu tại cây xăng của nguyên đơn và không quản lý được số hóa đơn bán lẻ mà tài xế sau khi đổ dầu về giao nộp cho bị đơn, do đó không thể dựa vào các hóa đơn bán lẻ bị đơn cung cấp để làm căn cứ đánh giá số tiền dầu thực tế mà Công ty V1 có đổ dầu tại Công ty C. Bà H1 cũng thừa nhận hoá đơn giá trị gia tăng do nguyên đơn cung cấp trong các tháng 3,4,5,6/2023 đã được bị đơn quyết toán thuế theo quy định. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc buộc bị đơn hoàn trả số tiền dư trong các tháng 3,4,5,6/2023 là phù hợp.

Xét yêu cầu thanh toán lãi chậm trả: Theo khoản 1 Điều 55 Luật thương mại “*Bên mua phải thanh toán cho bên bán vào thời điểm bên bán giao hàng hoặc giao chứng từ liên quan đến hàng hoá*”. Ngày 25/7/2023 Công ty C phát hành Hóa đơn giá trị gia tăng số 2904 với số tiền 396.337.116 đồng nhưng đến ngày 27/7/2023 Công ty V1 mới thanh toán số tiền 200.000.000 đồng, còn nợ 196.337.116 đồng. Như vậy, thời gian tính lãi chậm trả đối với số tiền còn lại sẽ tính từ ngày 28/7/2023. Đối với Hóa đơn giá trị gia tăng số 3161 ngày 07/8/2023

với số tiền 33.950.029 đồng, Công ty V1 chưa thanh toán nên phải chịu lãi tính từ ngày 08/8/2023. Ngày 04/4/2024, Công ty C rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 18.300.000 đồng trong tổng số tiền còn nợ là 230.287.000 đồng, chỉ yêu cầu Công ty V1 thanh toán số tiền 211.987.000 đồng. Do đó, cấp sơ thẩm buộc Công ty V1 phải thanh toán tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là có căn cứ.

Xét mức lãi suất áp dụng: Do các bên không thỏa thuận mức lãi suất chậm trả nên căn cứ Điều 306 Luật Thương mại 2005 Điều 11 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 ngân hàng để xác định mức lãi suất chậm trả cho nguyên đơn. Theo Công văn số 121/CV-BIDV.MP ngày 27/3/2023 của Ngân hàng TMCP Đ2, Công văn số 26/2023/CV-CNBC ngày 27/3/2024 của Ngân hàng TMCP S1, Công văn số 75/BBD-KT.CCTT ngày 26/3/2024 của Ngân hàng TMCP N1 thì mức lãi suất trung bình của ba Ngân hàng là: $(14.25\%/năm + 8.91\%/năm + 11.55\%/năm)/3/12$ tháng = 0.96%/tháng. Cấp sơ thẩm áp dụng mức lãi suất nêu trên để buộc Công ty V1 chịu khoản tiền lãi chậm thanh toán là có căn cứ.

[4] Từ những phân tích trên nhận thấy cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là phù hợp.

[5] Đối với ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị hủy bản án sơ thẩm vì cấp sơ thẩm có vi phạm tố tụng nhận thấy: Ngày 08/7/2023, ông Dương Thành V là người đại diện theo pháp luật của Công ty V1 làm đơn trình báo tại Công an phường Đ về việc nhân viên của Công ty C và tài xế tên Nguyễn Hoàng Hải S của Công ty V1 kết hợp ghi khống tiền dầu để chiếm đoạt của Công ty V1 số tiền khoảng 200.000.000 đồng. Đến ngày 14/10/2023, ông V đã làm đơn xin rút lại đơn tố cáo đối với ông S với lý do chưa có căn cứ để xác định ông S có thực hiện hành vi trên, cho rằng có sự nhầm lẫn trong việc đối chiếu chứng từ giữa hai Công ty. Ngày 25/10/2023, Công ty V1 có đơn phản tố yêu cầu Công ty C trả lại số tiền đã trả dư trong các tháng 3,4,5,6,7/2023 là 206.280.000 đồng. Như vậy, chính ông Dương Thành V với tư cách là người đại diện hợp pháp của Công ty V1 cũng xác định chưa có căn cứ chứng minh ông S có hành vi chiếm đoạt tiền của Công ty. Do đó, không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

[6] Tại cấp phúc thẩm, bị đơn không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên không được chấp nhận; quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là không có căn cứ; quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giữ nguyên bản án sơ thẩm là có cơ sở.

[7] Về án phí sơ thẩm: Công ty TNHH V1 phải chịu theo quy định

[7] Án phí phúc thẩm: người kháng cáo phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 148, khoản 1 Điều 308, Điều 309 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 30, 35, 39, 147, Điều 217, 228, 229, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 430, 440, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 24, 50, 55, và Điều 306 của Luật Thương mại;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH V1.

2. Giữ nguyên Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 51/2024/KDTM-ST ngày 30/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương như sau:

2.1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Một thành viên C đối với bị đơn Công ty TNHH V1 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Buộc bị đơn Công ty TNHH V1 phải thanh toán cho nguyên đơn Công ty TNHH Một thành viên C số tiền mua dầu còn nợ là 211.987.000 đồng (hai trăm mười một triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn đồng) cùng tiền lãi phát sinh là 25.439.000 đồng (hai mươi lăm triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn đồng). Tổng cộng: 237.426.000 đồng (hai trăm ba mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty TNHH Một thành viên C cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH V1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2.2. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Một thành viên C về việc yêu cầu Công ty TNHH V1 trả số tiền dầu còn nợ là 18.300.000 đồng (mười tám triệu ba trăm nghìn đồng).

2.3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty TNHH V1 về việc buộc Công ty TNHH Một thành viên C phải trả số tiền dầu thanh toán thừa của các tháng 3,4,5,6/2023 là 206.280.000 đồng (hai trăm lẻ sáu triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng).

3. Về án phí sơ thẩm: Công ty TNHH V1 phải chịu 21.748.240 đồng; được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.157.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0012457 ngày 25/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) Bến Cát; Công ty TNHH V1 còn phải nộp tiếp số tiền 16.591.240 đồng tiền án phí sơ thẩm; hoàn trả cho Công ty TNHH Một thành viên C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.814.747 đồng theo biên lai tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0012286 ngày 02/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) B.

4. Về án phí phúc thẩm: Công ty TNHH V1 phải chịu 2.000.000 đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 2.000.000 (hai triệu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000854 ngày 25/8/2024 của Chi cục Thi hành án thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố Bến Cát;
- TAND thành phố Bến Cát;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thắm